

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2021
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 511/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1980 (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Trần Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn T kết hôn năm 2009, đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã A, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/02/2011. Sau khi kết hôn chị và anh T sinh sống cùng gia đình anh T tại ấp T, xã A. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng được vài năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T đi làm ở Mỹ Tho rồi có quan hệ

tình cảm với người khác nên vợ chồng cự cãi dẫn tới đánh nhau. Gia đình chồng có can ngăn, hòa giải nên vợ chồng có hàn gắn được. Sau đó chị và anh T cùng đi làm ở Bình Phước rồi tiếp tục mâu thuẫn, cự cãi, đánh nhau, có lần anh T đánh chị vỡ đầu nhưng không đưa chị đi bệnh viện. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên dọn đồ đạc về quê chị ở Cà Mau. Từ đó cho đến nay hơn 04 năm chị và anh T không còn gặp nhau. Chị xác định hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có một con chung là Võ Ngọc H, sinh ngày 28/10/2009. Cháu H từ trước đến nay sống với chị nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đi làm công ty ở Bình Dương, thu nhập hàng tháng từ 6 – 7 triệu nên có đủ điều kiện nuôi con. Từ lúc vợ chồng không còn sống chung đến nay anh T cũng không phụ cấp gì cho chị nuôi con cũng như không đến thăm con.

Về chia tài sản: Chị và anh T sống chung với gia đình anh T sau đó đi làm một thời gian thì không sống chung với nhau nữa nên cũng không có tài sản chung, nợ chung gì. Do không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn Võ Văn T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; các tài liệu, chứng cứ do tòa án thu thập nhưng không có văn bản ý kiến gửi Tòa án, anh T không có yêu cầu phản tố.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn Trần Thị B thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Võ Văn T chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị B và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng lý kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị B và anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị B có yêu cầu ly hôn do chị B và anh T sống chung có mâu thuẫn, cả hai đã không còn sống chung nhiều năm và xác định hôn nhân không còn khả năng hàn gắn. Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị B và anh T thì hôn nhân của chị B và anh T có mâu thuẫn dù đã được gia đình hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu

cầu xin ly hôn của chị B, cho chị B ly hôn với anh T. Do chị B không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, anh T không có ý kiến nên không xem xét.

Về nuôi con chung: chị B và anh T có một con chung là Võ Ngọc H, sinh ngày 28/10/2009 đang sống chung với chị B được chăm sóc tốt và cháu H có ý kiến muốn được sống cùng chị B nên chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H là phù hợp. Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về chia tài sản: Chị B trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, anh T không có ý kiến nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị B thì đây là tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Võ Văn T có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] *Về tố tụng:* Nguyên đơn Trần Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Võ Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt đối với anh Võ Văn T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân:* chị B và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/02/2011 nên hôn nhân của chị B và anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị B có yêu cầu ly hôn do chị B và anh T sống chung có mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, chị B và anh T đã không sống chung nhiều năm và chị B xác định hôn nhân không còn khả năng hàn gắn. Anh T biết rõ việc chị B có đơn xin ly hôn với anh và đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu của Tòa án nhiều lần đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị B và anh T thì hôn nhân giữa chị B và anh T có mâu thuẫn dù đã được gia đình hòa giải nhưng không hòa giải được. Từ đó có căn cứ kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B có yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B, cho chị

B ly hôn với anh T. Do chị B không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, anh T không có ý kiến nên không xem xét.

[5] *Về nuôi con chung*: Chị B và anh T có một con chung là Võ Ngọc H, sinh ngày 28/10/2009 đang sống chung với chị B. Cháu H được chăm sóc tốt, được đi học và có ý kiến được sống chung cùng chị B nên giao cháu Hân cho chị B trực tiếp tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị B và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] *Về chia tài sản*: chị B trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, anh T không có ý kiến nên không xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị B phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị B. Cho chị Trần Thị B ly hôn với anh Võ Văn T.

Chị B không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, anh T không có ý kiến nên không xem xét.

2. *Về nuôi con chung*: chị B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Ngọc H, sinh ngày 28/10/2009. Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị B không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị B và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản*: Chị B trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, anh T không có ý kiến nên không xem xét.

4. *Về án phí*: chị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị B đã nộp theo Biên lai số 0005487 ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú.

5. Các đương sự vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Lan